

E. Cả A,B,C đúng

44. Các thuốc điều trị tại chỗ trên da có hiệu quả đối với sang thương loại nào

- ☒ A. Dày sừng da do ánh sáng
- B. Carcinôm tế bào đáy của da
- C. Carcinôm tế bào vảy của da
- D. Carcinôm tuyến bã của da
- E. Tất cả đều sai

45. Bệnh nhân nam 75 tuổi nhập viện vì vết loét không lành ở mắt 2 năm nay. KPS 80. Khám lâm sàng vết loét rãnh mũi môi (T) đường kính 1,5cm giới hạn rõ, bờ gồ cao ngăm sẫm tồ đen. Tiền căn cao huyết áp đang điều trị. COPD. Phương pháp sinh thiết phù hợp đối với bệnh nhân này là:

- ☒ A. Sinh thiết lặn bướu
- ☒ B. Sinh thiết bằng kẽm bấm
- C. Sinh thiết tròn
- D. Sinh thiết bằng kim nhỏ
- E. Sinh thiết lõi kim

46. Kết quả sinh thiết là mô viêm mạn tính. Bước xử trí thích hợp tiếp theo là

- A. Sinh thiết lặn hai
- B. Phẫu thuật lấy trọn sang thương
- C. Theo dõi thêm
- ☒ D. A, B đúng
- E. Tất cả đều đúng

47. Bệnh nhân nữ 55 tuổi ở quận Bình Thạnh, TPHCM. Cách nhập viện 6 tháng bệnh nhân phát hiện vết loét vùng má (T) không lành. Cách nhập viện 2 tuần bệnh nhân đi khám tại bệnh viện tư được chẩn đoán là ung thư da và được cắt rộng sang thương. Giải phẫu bệnh sau mổ: carcinôm tế bào đáy, diện cắt bên (+) nên chuyển bệnh viện Ung Bướu. Hiện KPS 70, sẹo mô vùng má (T) lành tốt, mô dưới sẹo hơi sưng. Xử trí thích hợp cho bệnh nhân này là:

- ☒ A. Cắt rộng sẹo và tạo hình
- B. Xạ trị
- C. Theo dõi thêm
- D. Kem 5-FU
- E. Hóa trị

48. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú, chọn câu đúng:

- ☒ A. Chiếm 20-30% các trường hợp ung thư tuyến giáp mới mắc
- ☒ B. Cắt giáp toàn phần là phẫu thuật chọn lựa ngay cả khi bướu nhỏ <1cm
- C. Rất nhiều trường hợp có tính đa ổ trên vi thể
- D. Hiếm khi cho di căn hạch cổ ở những bệnh nhân dưới 15 tuổi
- E. Là bệnh có tiên lượng xấu trong ung thư đầu cổ

49. Loại ung thư nào sau đây thường cho di căn não?

- A. Ung thư gan và ung thư đại tràng
- B. Ung thư đại tràng và ung thư tụy
- ☒ C. Ung thư tụy và ung thư phổi
- D. Ung thư phổi và ung thư vú
- E. Ung thư vú và ung thư gan

- A. Carcinôm ống tuyến vú thường gặp hơn carcinôm tiểu thùy
 B. Carcinôm tiểu thùy tại chỗ có thể theo dõi không cần điều trị
 C. Carcinôm tuyến vú có thể cho đi cân hạch thượng đòn
 D. Giải phẫu bệnh ung thư vú không cần xác định loại trước khi điều trị
 E. Carcinôm tại chỗ khi tế bào bướu chưa vượt qua màng đáy.
18. Biểu hiện nào sau đây cho biết sự hiện diện của ung thư vú giai đoạn IV:
 A. Thay đổi viêm trong tuyến vú
 B. Di căn hạch trên đòn cùng bên
 C. Bướu xâm lấn lan đến cơ ngực
 D. Bướu xâm nhiễm núm vú
 E. Tất cả đều sai
19. Ung thư buồng trứng
 A. Thường gặp ở những phụ nữ sinh đẻ nhiều
 B. Có liên quan đến gen BRCA1 và BRCA2
 C. Có liên quan đến tình trạng viêm nhiễm phụ khoa
 D. Rất hiếm gặp ở tuổi chưa dậy thì
 E. Câu B và C đúng
20. Các yếu tố làm tăng nguy cơ phát triển ung thư vú, ngoại trừ:
 A. Có kinh sớm hoặc mãn kinh muộn
 B. Không sinh con
 C. Tuổi > 30 lúc mang thai đầu tiên
 D. Sảy thai ở 3 tháng đầu hay 3 tháng giữa thai kỳ
 E. Tiền căn xạ trị vùng ngực
21. Ung thư vú, chọn câu SAI
 A. Là ung thư thường gặp nhất ở phụ nữ tính chung trên toàn thế giới.
 B. Thường gặp ở những nước công nghiệp phát triển hơn những nước đang phát triển
 C. Khó phát hiện sớm do không có triệu chứng lâm sàng
 D. Có liên quan đến yếu tố gia đình.
 E. Tình hình thường gặp nhất là sờ thấy một khối trong vú.
22. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 4 năm, đến bác sĩ khám vì tự sờ thấy một mảng trong vú trái khoảng 1 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì. Không tiền căn bệnh nội ngoại khoa. Khám: sờ thấy một khối 2 cm, sừng, giới hạn không rõ, 1/2 trên trong vú trái, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Hạch nách và trên đòn không sờ thấy. Nhũ ảnh không phát hiện bất thường. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?
 A. Chụp MRI vú 2 bên
 B. Siêu âm tuyến vú
 C. FNA bướu vú trái
 D. Sinh thiết lõi kim bướu vú trái
 E. Tất cả đều sai
23. Mục đích của việc xét nghiệm ER, PR, HER-2/neu trong ung thư vú nhằm:
 A. Phân loại bướu dưới góc độ sinh học phân tử
 B. Giúp chọn lựa phương pháp điều trị thích hợp
 C. Giúp đánh giá tiên lượng bệnh
 D. Tất cả các câu đều đúng
 E. Chỉ có A, C đúng

24. Một phụ nữ 59 tuổi, mãn kinh 8 năm, đến bác sĩ khám vì sờ thấy một khối trong vú phải khoảng 3 tháng nay. Không tiền căn bệnh lý vú trước đó, bệnh nhân đang dùng thuốc điều trị cao huyết áp và ổn định. Khám lâm sàng sờ thấy một khối 1,5 cm, chắc, giới hạn không rõ, $\frac{1}{2}$ dưới ngoài vú phải vị trí 8 giờ, cách núm vú 4 cm, ít di động trong mô vú và di động tốt so với thành ngực, không dính da. Siêu âm nghi ngờ thương thay đổi sợi học khu trú vú phải vị trí 8 giờ. Bệnh nhân được chọc FNA dưới hướng dẫn siêu âm tương ứng vị trí này với kết quả là tổn thương lành tính. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?
- A. Chụp MRI vú 2 bên.
B. Chụp nhũ ảnh 2 bên
C. Sinh thiết trọn sang thương
D. Sinh thiết lõi kim sang thương
E. Chụp CT-scan ngực
25. Loại ung thư nào có tử xuất cao nhất trên toàn thế giới
- A. Ung thư phổi
B. Ung thư gan
C. Ung thư dạ dày
D. Ung thư buồng trứng
E. Ung thư trực tràng
26. Ung thư ở trẻ em có các đặc tính sau đây, ngoại trừ:
- A. Bướu phát triển nhanh
B. Thời gian ủ bệnh ngắn
C. Liên quan đến sự phơi nhiễm các tác nhân sinh ung
D. Có yếu tố gia đình trong 10-15% các trường hợp
E. Thường gặp nhất là ung thư máu
27. Khi không thể có được chẩn đoán giải phẫu bệnh trên bệnh nhân nghi ngờ ung thư gan, việc chẩn đoán là ung thư gan có thể dựa trên:
- A. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + khối u dưới sườn phải sờ được trên lâm sàng
B. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh
C. Hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + AFP/ huyết thanh $> 400\text{ng/ml}$
D. Xét nghiệm HbsAg hoặc Anti-HCV dương tính mạnh + AFP/ huyết thanh dương tính
E. Tất cả đều sai
28. Yếu tố nguy cơ hàng đầu của ung thư phổi
- A. Hút thuốc lá
B. Tiếp xúc với amiăng
C. Nhiễm virus HPV
D. Tiền căn gia đình có ung thư phổi
E. Tiếp xúc hydrocarbon vòng thơm
29. Chọn câu đúng khi nói về giải phẫu bệnh của ung thư phổi:
- A. Carcinôm tuyến thường xuất hiện ở vùng trung tâm của phổi
B. Carcinôm tế bào gai là giải phẫu bệnh thường gặp nhất
C. Carcinôm tế bào lớn có nguồn gốc từ tế bào thần kinh- nội tiết
D. Carcinôm ở phổi xuất phát từ biểu mô phế nang
E. Carcinôm tế bào nhỏ có tính xâm lấn mạnh và diễn tiến nhanh
30. Phương pháp điều trị chủ yếu trong ung thư phổi tế bào nhỏ

50. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi khám sức khỏe định kỳ phát hiện một nhân giáp thùy trái; không có tiền căn xạ trị và gia đình không ai bị ung thư giáp. Siêu âm cổ phát hiện nhân giáp thùy trái 2cm, echo kém, vi vôi hóa và hạch cổ nhóm III (T) 0.8 cm, echo kém, mất rốn hạch. Xét nghiệm máu TSH, FT3, FT4 bình thường. Xét nghiệm cần làm tiếp:

- A. CT-scan vùng cổ có cản quang
- B. FNA nhân giáp và hạch cổ
- C. Xạ hình tuyến giáp
- D. Câu A và B đúng
- E. Câu A,B,C đúng

D

51. Chẩn đoán lâm sàng: Carcinôm tuyến giáp dạng nhú di căn hạch cổ (T). Xếp giai đoạn bệnh trên bệnh nhân này?

- A. Giai đoạn I
- B. Giai đoạn II
- C. Giai đoạn III
- D. Giai đoạn IV
- E. Tất cả đều sai

A

52. Điều trị cho bệnh nhân trên:

- A. Cắt giáp toàn phần, nạo hạch cổ trái
- B. Cắt giáp toàn phần
- C. Cắt giáp toàn phần nạo hạch cổ hai bên
- D. Cắt trọn thùy trái, nạo hạch cổ trái
- E. Một lựa chọn khác

D

53. Bệnh nhân nam, 42 tuổi, được chẩn đoán carcinôm tuyến giáp không biệt hóa. Siêu âm cổ hạch cổ (P) 1 cm nghi ngờ di căn. Các xét nghiệm khác chưa phát hiện di căn xa. Xếp giai đoạn trên bệnh nhân này, chọn câu đúng:

- A. Cần xác định giai phẫu bệnh của hạch cổ mới xếp giai đoạn được
- B. Cần biết thêm thông tin về kích thước bướu giáp
- C. Cần biết thêm thông tin bướu có xâm lấn dây thần kinh quặt ngược hay chưa
- D. Đã đủ dữ kiện xếp giai đoạn IV cho bệnh nhân
- E. Câu A và B đúng

D

54. Tiêm vắc xin ngừa HPV phòng ung thư cổ tử cung, chọn câu SAI

- A. Hiệu quả tốt nhất là ở người chưa quan hệ tình dục
- B. Người đã quan hệ tình dục vẫn có hiệu quả
- C. Tiêm ngừa càng sớm càng tốt trong độ tuổi cho phép
- D. Tiêm ngừa càng gần thời điểm bắt đầu quan hệ tình dục càng tốt vì hiệu quả bảo vệ sẽ cao hơn
- E. Câu A và D sai

D

55. Đột biến gen trong ung thư tuyến giáp

- A. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú thường có đột biến gen HRAS
- B. Carcinôm tuyến giáp dạng nang thường có đột biến gen RAS
- C. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy thường có đột biến gen RET/PTC
- D. Carcinôm tuyến giáp không biệt hóa thường có ít đột biến gen
- E. Tất cả đều đúng

B

56. Khi khai thác tiền căn bệnh lý ung thư tuyến giáp cần lưu ý các vấn đề sau

- A. Tiền căn có tiếp xúc với phơi nhiễm phóng xạ trước đây hay không

E. Tỷ lệ sống còn 5 năm ở giai đoạn sớm đạt 90%

64. **Độ tuổi nguy cơ của ung thư đại trực tràng:**

- A. Tuổi là yếu tố nguy cơ không thể tránh khỏi
- B. 70 - 90 % trường hợp mắc bệnh ở độ tuổi > 75
- C. Bệnh đang có xu hướng giảm dần ở lứa tuổi trẻ
- ☒ D. Câu a và b đúng
- E. Câu a,b,c đúng

A

65. **Nguyên tắc phẫu thuật trong ung thư đại tràng, chọn câu sai:**

- A. Thăm sát đầy đủ và chính xác ổ bụng
- B. Thất máu mủ nuôi cao và giảm thiểu tác động đến búi
- C. Bờ mép diện cắt an toàn về mặt ung thư học
- ☒ D. Đánh clip vào những vị trí có hạch đi căn
- E. Đánh giá giải phẫu bệnh ít nhất 12 hạch

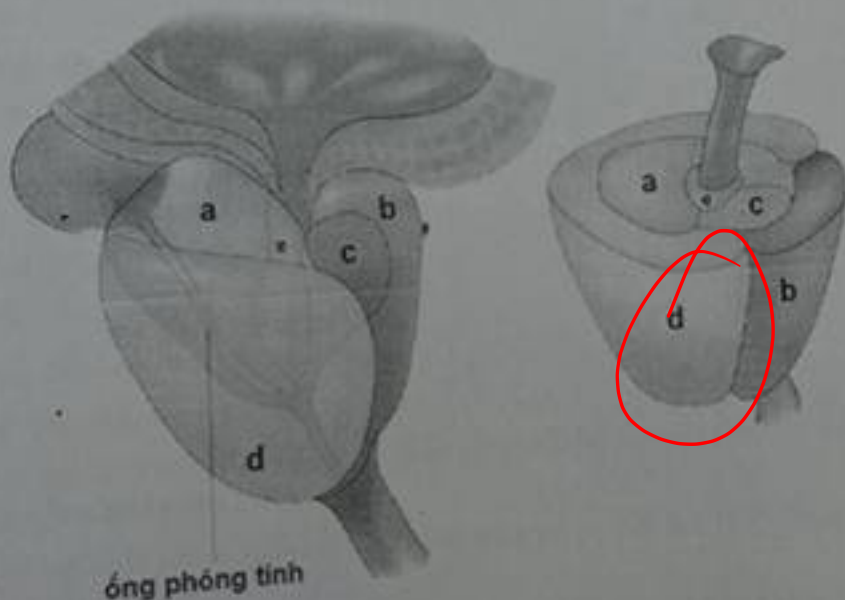
D

66. **PSA là kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt, được dùng để:**

- A. Tầm soát ung thư tuyến tiền liệt
- B. Chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt
- C. Theo dõi sau điều trị ung thư tuyến tiền liệt
- ☒ D. Cả 3 câu trên đều đúng
- E. Câu B và C đúng

D

67. **Quan sát hình vẽ giải phẫu tuyến tiền liệt, hãy cho biết carcinôm tuyến tiền liệt thường gặp nhất ở vị trí nào? Các lựa chọn a,b,c,d,e tương ứng với các phân khu trong hình vẽ.**



68. **Người ta không lựa chọn xạ trị là mô thức điều trị hỗ trợ cho loại ung thư nào?**

- A. Carcinôm ống tuyến vú
- B. Carcinôm tế bào gai cổ tử cung
- C. Carcinôm tuyến đại tràng (P)

C

- B. Tiền căn gia đình có ai mắc bệnh ung thư tuyến giáp trước đó hay không
 C. Bệnh nhân có tiền sử bệnh ung thư tuyến vú trước đó hay không
 D. Câu A và B đúng
 E. Tất cả các câu đều đúng
57. Yếu tố tiên lượng quan trọng nhất của sarcom mô mềm?
 A. Tuổi
 B. Vị trí bướu
 C. Kích thước bướu
 D. Grad mô học
 E. Di căn hạch
58. Loại sarcom mô mềm nào ít cho di căn hạch?
 A. Sarcom mô
 B. Sarcom mạch máu
 C. Sarcom tế bào sừng
 D. Sarcom cơ vân
 E. Sarcom dạng biểu mô
59. Yếu tố tiên lượng xấu trong ung thư vú, ngoại trừ:
 A. Tuổi trẻ
 B. Còn kinh nguyệt
 C. Thụ thể ER, PR dương tính
 D. Biểu hiện quá mức thụ thể HER2
 E. Tất cả đều sai
60. Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về ung thư dạ dày?
 A. Bệnh thường gặp ở các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản
 B. Bệnh gặp ở nam nhiều hơn nữ
 C. Phần lớn bệnh nhân được phát hiện bệnh vào giai đoạn trễ
 D. Tiên lượng tốt nhất trong ung thư ống tiêu hóa
 E. Có mối liên quan giữa bệnh với môi trường và chế độ ăn uống
61. Đặc điểm của ung thư dạ dày không thuộc tâm vị:
 A. Thường gặp ở khu vực có tỉ lệ ung thư dạ dày cao
 B. Có liên quan chặt chẽ đến nhiễm Helicobacter pylori
 C. Tiên lượng xấu hơn ung thư tâm vị
 D. Câu a và b đúng
 E. Câu a, b, c đúng
62. Triệu chứng nào sau đây gợi ý bướu dạ dày ở tâm vị?
 A. Đau thượng vị kéo dài
 B. Nuốt nghẹn tăng dần
 C. Nôn ói ra thức ăn cũ
 D. Cảm giác nóng rát thượng vị
 E. Sờ thấy bướu thượng vị lệch (P)
63. Nhận định nào không đúng về ung thư đại trực tràng?
 A. Được xếp vào 1 trong 10 loại ung thư thường gặp nhất ở Việt Nam.
 B. Tây Âu và Australia là khu vực "nguy cơ cao" của bệnh này
 C. Liên quan đến lối sống và chế độ dinh dưỡng
 D. Chưa có chương trình tầm soát hiệu quả

- C. Sarcôm mạch máu ở gan
D. Tất cả các câu trên đều đúng
7. Tại Âu-Mỹ, ung thư gan thường liên quan đến yếu tố:
A. Virus gây viêm gan B, C
B. Độc tố aflatoxin trong ngũ cốc bị nhiễm nấm mốc
C. Xơ gan do rượu và các bệnh lý chuyển hóa
D. Cả 3 yếu tố trên đều đúng
E. Câu A và C đúng
8. Ngoài ung thư phổi, hút thuốc lá có thể gây ung thư:
A. Ung thư thực quản
B. Ung thư bàng quang
C. Ung thư tụy
D. Ung thư thận
E. Tất cả các câu trên đều đúng
9. Để phòng ngừa ung thư dương vật:
A. Nên cắt da quy đầu thường quy cho trẻ sơ sinh theo phong tục Do Thái giáo
B. Khám tiền hôn về các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục
C. Cắt da quy đầu trước hôn nhân nếu da quy đầu dài hoặc hẹp
D. Cắt da quy đầu cho trẻ nhũ nhi nếu da quy đầu dài hoặc hẹp
E. Tất cả đều đúng
40. Bệnh nhân nam, 28 tuổi, đến khám vì sờ thấy bướu ở vùng búi (P). Siêu âm phát hiện khối echo kém 3cm trong tinh hoàn (P) nghi bướu. Dấu hiệu sinh học nào được xét nghiệm trong trường hợp này?
A. AFP, CEA và LDH
B. AFP, β -HCG và LDH
C. β -HCG, PSA và CEA
D. LDH, β -HCG và CA 125
E. Tất cả đều sai
41. Sau khi có kết quả xét nghiệm, để xác định bản chất bướu trong tinh hoàn (P), điều cần làm tiếp theo:
A. FNA bướu tinh hoàn (P)
B. Cắt trọn tinh hoàn (P) qua ngã búi
C. Sinh thiết một phần bướu tinh hoàn (P)
D. Cắt trọn tinh hoàn (P) qua ngã bẹn
E. Sinh thiết lõi kim bướu tinh hoàn (P)
42. Trường hợp trên sẽ được xếp vào loại bướu tế bào mầm tinh hoàn nếu có giải phẫu bệnh là, ngoại trừ:
a. Bướu tế bào Leydig
b. Sêminôm
c. Bướu túi noãn hoàng
d. Carcinôm phổi
e. Carcinôm đệm nuôi
43. Khàn tiếng là triệu chứng có thể gặp ở ung thư nào?
A. Ung thư tuyến giáp
B. Ung thư phổi
C. Ung thư thực quản
D. Câu A và B đúng

- B. Lan qua chu cung có nguy cơ gây thận ứ nước và suy thận **B**
- C. Xâm lấn trực tràng thường gặp do cổ tử cung rất gần với trực tràng
- D. Xâm lấn bàng quang có thể gây vô niệu
- E. Tất cả các câu trên đúng
5. Tình huống thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung xâm lấn trên lâm sàng là:
- A. Không có triệu chứng và được phát hiện qua xét nghiệm tầm soát định kỳ
- B. Xuất huyết âm đạo bất thường **B**
- C. Huyết trắng kéo dài
- D. Đau nhức vùng hạ vị
- E. Tiểu khô, tiểu buốt, tiểu máu
6. Khám lâm sàng ung thư cổ tử cung thường KHÔNG đánh giá được:
- A. Thân tử cung
- B. Vách âm đạo trực tràng
- C. Chu cung
- D. Hạch chậu **D**
- E. C,D đúng
7. Hạch nào KHÔNG được xem là hạch vùng trong ung thư cổ tử cung
- A. Hạch cạnh động mạch chủ bụng **A**
- B. Hạch chậu chung
- C. Hạch trước xương cùng
- D. Hạch bẹn
- E. Hạch chậu ngoài
8. Yếu tố nguy cơ của ung thư buồng trứng
- A. Dùng thuốc ngừa thai kéo dài
- B. Phụ nữ vô sinh, không lập gia đình **B**
- C. Quan hệ tình dục với nhiều người
- D. Nhiễm HPV các tip nguy cơ cao
- E. Câu A và B đúng
9. Phần lớn ung thư nội mạc tử cung xuất phát từ
- A. Vùng chuyển tiếp
- B. Vùng eo tử cung
- C. Thành trước tử cung **D**
- D. Đáy tử cung
- E. Câu C và D đúng
10. Yếu tố nguy cơ của ung thư nội mạc tử cung
- A. Viêm nhiễm phụ khoa
- B. Nhiễm HPV
- C. Dùng nội tiết thay thế kéo dài sau mãn kinh **C**

- Họ tên sinh viên:	Giám thị 1	Giám thị 2
- Số báo danh:		
- Tổ: Lớp:		

CHỌN 1 CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT

1. Ung thư cổ tử cung thường gặp nhất ở vùng nào:
☒ A. Đông Á
☐ B. Nam Á
☐ C. Tây Á
☐ D. Trung Đông
☐ E. Trung Á
2. Tuổi thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung
☐ A. 25-35 tuổi
☐ B. 35-45 tuổi
☒ C. 45-55 tuổi
☐ D. 55-65 tuổi
☐ E. >65 tuổi
3. Tồn thương tiền ung thư cổ tử cung
☐ A. Xuất độ cao nhất là 40-45 tuổi
☐ B. CIN 2 có nghĩa là các tế bào dị dạng chiếm 2/3 trên bề dày của lớp biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy
☒ C. CIN 3 có nghĩa là các tế bào dị dạng chiếm toàn bộ bề dày của lớp biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy
☐ D. Khả năng diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn đối với CIN3 là 80% sau 10 năm
☐ E. Câu C,D đúng
4. Diễn tiến tự nhiên của ung thư cổ tử cung
☒ A. Lan xuống âm đạo là thường gặp nhất nhưng khó đánh giá bằng khám lâm sàng

- D. Cường giáp
- E. Câu A và C đúng

11. Dịch tễ học ung thư nội mạc tử cung

- A. Là ung thư thường gặp ở các nước đang phát triển hơn các nước phát triển
- B. Tuổi trung bình lúc được chẩn đoán thường là 50-55 tuổi
- C. Có liên quan đến chế độ dinh dưỡng, béo phì
- D. Có liên quan đến hút thuốc lá
- E. Câu C và D đúng

C

12. Nguyên nhân ung thư cổ tử cung

- A. Herpes-Simplex virus (HSV)
- B. Human Papilloma virus (HPV)
- C. Sinh đẻ nhiều
- D. Lập gia đình sớm
- E. Quan hệ tình dục với nhiều người

B

13. Yếu tố nào sau đây được xem là yếu tố thuận lợi của ung thư cổ tử cung

- A. Human Papilloma virus (HPV)
- B. Sinh đẻ nhiều
- C. Quan hệ tình dục với nhiều người
- D. Câu B, C đúng
- E. Tất cả đều đúng

B

14. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư cổ tử cung là

- A. Carcinôm tuyến
- B. Carcinôm tế bào gai
- C. Carcinôm tế bào nhỏ
- D. Carcinôm tế bào chuyển tiếp
- E. Carcinôm tế bào sáng

B

15. Tăng sản không điển hình nặng của nội mạc tử cung có nguy cơ diễn tiến thành ung thư xâm lấn

- A. 25%
- B. 50%
- C. 60%
- D. 70%
- E. 80%

A

16. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất của ung thư nội mạc tử cung là:

- A. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa cao đến trung bình
- B. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa kém
- C. Carcinôm tế bào gai, biệt hóa cao đến trung bình
- D. Carcinôm tuyến dạng nhú
- E. Carcinôm gai - tuyến

A

17. Giải phẫu bệnh ung thư vú, chọn câu SAI

3

- D. Carcinôm tế bào gai dương vật
E. Carcinôm tuyến trực tràng thấp
69. Tầm soát ung thư dạ dày đạt hiệu quả rất cao ở quốc gia nào?

A. Hàn Quốc
B. Nhật Bản
C. Hoa Kỳ
D. Ấn Độ
E. Hà Lan

B

70. Điểm giống nhau giữa ung thư trực tràng thấp và ung thư ống hậu môn?
- A. Di căn ra máu là triệu chứng thường gặp nhất.
B. Giai phân bệnh thường gặp là carcinôm tuyến.
C. Xếp hạng yếu tố bướu (T) dựa vào độ xâm lấn thành ruột.
D. Phẫu thuật Miles là mô thức điều trị quan trọng nhất.
E. Tất cả đều đúng.

A

--HẾT--

- ☒ A. Hóa trị
- B. Xạ trị
- C. Liệu pháp nhắm trúng đích
- D. Phẫu thuật
- E. Tất cả các phương pháp trên

31. Bệnh nhân nam, 53 tuổi, đi khám vì sụt 3kg/ 2 tháng. Tiền căn: hút thuốc lá 20 gói/năm. Không bệnh lý nội ngoại khoa. CTscan ngực có sang thương như hình bên. Phương tiện nào được ưu tiên sử dụng để xác định bản chất sang thương phổi?



- A. Xét nghiệm đàm tìm tế bào lạ
- B. Nội soi phế quản
- ☒ C. FNA xuyên thành ngực
- D. Nội soi màng phổi
- E. Nội soi trung thất

32. Loại bướu nào sau đây không thường gặp ở trẻ em?

- A. Sarcôm cơ vân
- ☒ B. Carcinôm đại tràng
- C. Bướu nguyên bào thần kinh
- D. Carcinôm phổi tinh hoàn
- E. Bướu nguyên bào tủy

33. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư thực quản:

- A. Nôn ới
- B. Khàn tiếng
- ☒ C. Nuốt nghẹn, nuốt khó
- D. Hạch cổ, trên đòn.
- E. Nuốt đau

34. Hội chứng/ triệu chứng nào sau đây không phải là hội chứng cận ung trong ung thư phổi?

- ☒ A. Hội chứng Cushing
- B. Ngón tay dùi trống
- C. Hội chứng Horner
- D. Tăng tiết ADH không thích hợp
- E. Bệnh thần kinh ngoại vi

35. Phương tiện nào sau đây dùng để tầm soát ung thư đại trực tràng đã được chứng minh có hiệu quả trong những thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có nhóm chứng?

- ☒ A. Tìm máu ẩn trong phân
- B. Nội soi đại tràng sigma bằng ống soi mềm
- C. Chụp cản quang kép khung đại tràng với baryte
- D. Nội soi khung đại tràng
- E. Nội soi ảo khung đại tràng

36. AFP (Alpha feto protein) tăng cao trong:

- ☒ A. Carcinôm tế bào gan
- B. Carcinôm đường mật trong và ngoài gan